**So sánh hệ thống pháp luật dân sự La Mã**

**và hệ thống luật dân sự Việt Nam hiện đại – Phần 3**

**ThS. Nguyễn Thị Thu Na**

**III. Đánh giá về ưu điểm, nhược điểm của hệ thống pháp luật dân sự La Mã và hệ thống luật dân sự Việt Nam hiện đại**

***1. Ưu điểm:***

Có thể coi Luật La Mã là hệ thống pháp luật được xây dựng công phu với sự đóng góp to lớn của các luật gia La Mã. Rất nhiều khái niệm, chế định của Luật La Mã trong lĩnh vực luật dân sự, lĩnh vực điều chỉnh các quan hệ tài sản, khái niệm sở hữu, vật quyền, hợp đồng, trái vụ, quan hệ pháp luật về hôn nhân – gia đình, thừa kế được coi là cơ sở, có giá trị khoa học cao. Cụ thể:

Trong quy định về cá nhân Luật La Mã quy định: nam từ đủ 7 – 14 tuổi, nữ từ đủ 7 – 12 tuổi có năng lực hành vi một phần. Những người này chỉ được tham gia vào các giao dịch nào chỉ mang lại quyền chứ không chịu nghĩa vụ cho họ. Đối với các giao dịch khác thì họ chỉ được tham gia khi có sự đồng ý của người bảo trợ. Có thể thấy quy định này đã đảm bảo được lợi ích của người có năng lực hành vi một phần một cách tuyệt đối, thiết nghĩ Việt Nam cũng nên áp dụng quy định này để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người có năng lực hành vi một phần tham gia vào các giao dịch dân sự ví dụ như: giao dịch về tặng cho nhà ở giữa bố mẹ và con chưa thành niên hiện nay ở Việt Nam không được pháp luật công nhận, trong khi giao dịch này là một nhu cầu vô cùng chính đáng. Nếu áp dụng quy định trên của Luật La Mã thì sẽ giải quyết được những tồn tại này một cách thấu đáo.

Trong chế định tài sản, pháp luật La Mã đã có sự phân biệt tài sản thành: vật hữu hình và vật vô hình. Sự phân biệt vật hữu hình và vật vô hình đem lại lợi ích trong việc xác định phương thức chuyển giao tài sản, vì vật vô hình không thể chiểm hữu được nên không thể trở thành đối tượng của việc chuyển giao vật chất. Ngoài ra tài sản còn được phân thành: vật lưu thông được và vật không lưu thông được, vật tiêu hao và không tiêu hao, vật cùng loại và vật đặc định, vật chính và vật phụ, tài sản gốc và hoa lợi. Những cách phân loại này là hợp lý và đã được rất nhiều nước trên thế giới áp dụng về sau. Bên cạnh đó, thì khái niệm vật quyền cũng đã được đề cập đến trong pháp luật La Mã. Ngoài ra, quyền sở hữu của cá nhân cũng mang nhiều quy định tiến bộ, ngay từ ban đầu người La Mã đã có những suy nghĩ nghiêm túc trước vấn đề xung đột giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung trong việc thực hiện quyền sở hữu tư nhân.

Trong chế định hôn nhân gia đình mặc dù còn nhiều điểm bất bình đẳng do tồn tại chế độ phụ hệ và gia chủ. Song bên cạnh đó cũng tồn tại những quy định mang tính ưu điểm như: ghi nhận chế độ hôn nhân một vợ một chồng, nghiêm cấm kết hôn giữa những người đang trong quan hệ hôn nhân chưa chấm dứt, những người có quan hệ huyết thống gần không được quyền kết hôn với nhau…

Đặc biệt trong chế định thừa kế Luật La Mã đã quy định 2 hình thức thừa kế cơ bản đó là thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc. Đã đề cấp đến quyền thừa kế đối với “ thai nhi” theo đó thai nhi sẽ trở thành người nhận thừa kế nếu được sinh ra trong vòng 300 ngày kể từ ngày người để lại tài sản chết; quy định về hạn chế quyền tự do đối với người viết di chúc bằng cách quy định kỷ phần bắt buộc cho những người không được hưởng thừa kế theo di chúc.

***2. Nhược điểm.***

Về chủ thể của luật dân sự La Mã: Chủ thể của luật La Mã vô cùng hạn chế, đồng thời địa vị pháp lý giữa các chủ thể là không bình đẳng. Cụ thể, luật La Mã chỉ quy định chủ thể duy nhất là cá nhân chứ khái niệm “pháp nhân” không tồn tại. Hơn nữa, với tư cách là cá nhân thì các chủ thể cũng có sự bất bình đẳng tương đối rõ ràng khi chỉ có những người tự do, gia chủ và công dân La Mã mới có đầy đủ địa vị pháp lý. Thậm chí, nô lệ còn không được coi là một chủ thể, không có các quyền công dân và không được phép tham gia vào các giao dịch dân sự, mà chỉ được coi là một tài sản, thuộc sở hữu của các chủ nô.

Về mặt tài sản: Cả 2 hệ thống pháp luật nêu trên cơ bản đều đã đưa ra tương đối đầy đủ và hoàn thiện các quy định điều chỉnh về quan hệ tài sản, tuy nhiên, một khiếm khuyết lớn mà 2 hệ thống pháp luật này còn mắc phải đó là chưa đưa ra được một khái niệm cụ thể mang tính bao quát về tài sản mà mới chỉ phân loại và liệt kê một số loại tài sản nhất định.

Về mặt hôn nhân gia đình: Luật La Mã tuy đã có tiến bộ trong việc công nhận hôn nhân 1 vợ 1 chồng, đồng thời người vợ cũng có sự độc lập nhất định, tuy nhiên về mặt địa vị pháp lý thì không có sự bình đẳng tuyệt đối giữa vợ và chồng. Cụ thể, lúc chấm dứt hôn nhân, người vợ mà muốn lấy các tài sản riêng của mình thì phải chứng minh tính chất riêng của các tài sản liên quan; hay do hiệu lực của sự suy đoán, các tài sản trong gia đình đều được coi là tài sản của người chồng cho đến khi có bằng chứng ngược lại.

***3. Những quy định cần kế thừa của Bộ luật dân sự Việt Nam khi so sánh với hệ thống luật dân sự La Mã.***

***\*Về cấu trúc của Bộ luật Dân sự***

Bộ luật được xây dựng theo nguyên tắc chung – riêng (từ quy định chung đến các lĩnh vực pháp luật cụ thể) và nguyên tắc khái quát, trừu tượng hóa cao, tạo nên các quy định mang tính lý luận theo nhóm 1 nhận thấy cấu trúc này đã rõ ràng và hợp lý không cần phải sửa đổi.

Tuy nhiên, việc lựa chọn cấu trúc nào cho Bộ luật Dân sự là vấn đề các nhà lập pháp Việt Nam phải nghiên cứu thận trọng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Bộ luật này cần phù hợp với hoàn cảnh xã hội Việt Nam, đồng thời cần đảm bảo tương thích với pháp luật dân sự các quốc gia khác, tạo cơ sở vững chắc để chúng ta có thể hội nhập kinh tế quốc tế cũng có thể tham khảo theo cấu trúc của pháp luật La Mã về việc cho luật Hôn nhân và gia đình vào quy định của Bộ luật dân sự để dễ dàng điều chỉnh không chồng chéo luật như hiện nay.

\* Về áp dụng phong tục tập quán

Việc áp dụng tập quán trong giải quyết quan hệ dân sự còn gặp nhiều vướng mắc do quy định của pháp luật về áp dụng tập quán chưa cụ thể trong quan hệ dân sự, các chủ thể vẫn tự nguyện áp dụng tập quán mà không phụ thuộc vào quy định của pháp luật, bởi lẽ những tập quán đó bảo đảm tốt hơn cho lợi ích của họ và việc áp dụng đó không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội có thể học tập được quy định của luật La Mã về áp dụng tập quán như việc xét xử giống nhau về nội dung vụ án thì áp dụng tập quán và theo nguyên tắc thống nhất có hướng dẫn cụ thể.

***\* Về năng lực hành vi dân sự***

Điều 19 Bộ luật Dân sự 2015 quy định trường hợp hạn chế năng lực hành vi dân sự là người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phát tán tài sản gia đình.... Tuy nhiên, trên thực tế còn có trường hợp người có nhược điểm về thể chất, tinh thần, hạn chế khả năng giao tiếp không thể tự mình xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự, bị một số bệnh.... Do nhu cầu cần chuyển dịch tài sản cho con, người vợ có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố người chồng bị hạn chế năng lực hành vi dân sự (sau khi có kết luận của tổ chức giám định). Nhưng do Điều 19 không có quy định những trường hợp này, nên Tòa án căn cứ vào đó không giải quyết, dẫn đến bức xúc cho đương sự. Cần học tập về hạn chế năng lực hành vi đối với người ăn chơi trác táng tương tự luật La Mã để lấp lỗ hổng tương đối lớn này của bộ luật dân sự.

***\* Về pháp nhân***

Bộ luật Dân sự không quy định về các điều kiện để một tổ chức được coi là pháp nhân mà Bộ luật Dân sự và/hoặc pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực tự xác định loại hình tổ chức nào là pháp nhân trong các quan hệ pháp luật. Theo cách này, Bộ luật Dân sự chỉ cần quy định: “Pháp nhân là tổ chức mà pháp luật Việt Nam quy định hoặc thừa nhận là pháp nhân”. Giống như Luật La Mã chưa xây dựng thành công khái niệm này nhưng đã có đủ các đặc điểm cần thiết cho việc công nhận pháp nhân như chủ thể đặc biệt.

***\* Về tài sản và quyền sở hữu***

Thứ nhất, khái niệm tài sản quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa cụ thể, chưa rõ nên cón có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm này, cụ thể. Luật La Mã có căn cứ để phân loại tài sản là căn cứ vào giá trị về mặt pháp lý của tái sản, việc dịch chuyển tài sản thông qua nghi thức trọng thể, tuyên bố theo công thức nhất định. Do đó ta có thể theo công thức trên xây dựng khái niệm tái ản chăng?

Thứ hai, Bộ luật Dân sự chưa quy định đầy đủ, rõ ràng các loại quyền của người không phải là chủ sở hữu, chưa quy định cụ thể nội dung của một số loại vật quyền phổ biến. Ví dụ: Quyền hưởng dụng…; các quyền tự do cá nhân của chủ sở hữu trong việc khai thác, sử dụng bất động sản hầu như chưa được quy định. Còn Luật La Mã đã chỉ ra cụ thể các quyền năng của người sở hữu, sử dụng, việc thu nhận thành quả, lợi nhuận,định đoạt, số phận thực tế và pháp lý của chủ sở hữu đòi lại vật…..đây là điểm cần nghiên cứu đưa vào luật dân sự Việt Nam

***\* Về thừa kế:***

Luật La Mã quy định hai hình thức cơ bản là thừa kế theo dichúc (testato) và thừa kế theo luật (intestato), ngoài ra còn có thừa kế theo lệnh của các quan. Ở thời kỳ đầu, hình thức chủ yếu là thừa kế theo luật, sau đó thừa kế theo di chúc trở thành phổ biến hơn. Một vấn đề rất quan trọng là theo luật La Mã, các nghĩa vụ về tài sản của người chết không phải là di sản thừa kế đây là điểm không giống với luật Việt Nam theo nhóm cần học tập điểm này để khi chia di sản thì sẽ không gây ra tranh chấp nhiều như hiện nay.

Về người thừa kế luật La Mã quy định thai nhi thì phải được sinh ra sau khi người để lại tài sản chết 300 ngày. Luật dân sự Việt Nam chưa có quy định về việc này cần học tập do hiện nay có nhiều vướng mắc để đảm bảo lợi ích cho người thừa kế.

Một nguyên tắc quan trọng của luật La Mã và thừa kế là Semel heres, semper heres – người được chỉ định là người thừa kế sẽ vĩnh viễn là người thừa kế. Điều này có nghĩa là luật pháp chỉ công nhận di chúc có điều kiện phát sinh, không công nhận di chúc có điều kiện đình chỉ.

Một vấn đề mà trong hầu hết pháp luật dân sự của các nước có quy định được xuất phát từ luật La Mã là việc quy định những người được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc (hay còn gọi là kỷ phần bắt buộc). Ở thời kỳ đầu (thời kỳ Cộng hòa La Mã sơ khai) thì gia chủ chia tài sản như thế nào thì sẽ là như thế (Unti legassit super pecunia tutelave suae rei ita ius esto). Nhưng dần dần về sau đối với những người ở hàng thừa kế thứ nhất nếu bị người lập di chúc truất quyền thừa kế thì sẽ được hưởng một kỷ phần bắt buộc.

Di tặng (legata):

Là một phần tài sản mà người lập di chúc dành riêng cho một hoặc nhiều người. Ở thời kỳ đầu luật La Mã không hạn chế phần tài sản di tặng dẫn đến tình trạng lợi dụng di tặng để trốn tránh nghĩa vụ. Đến thời Justinian di tặng được quy định không quá ¼ tổng di sản. Di tặng không tính vào khối di sản. Việc quy định di tặng không quá ¼ di sản là rất hợp lý và được pháp luật nhiều nước trên thế giới kế thừa đây cũng là lý do Việt Nam cần kế thừa quy định này.

***Thừa kế theo pháp luật:***

Với việc quy định của luật La Mã ở hàng thừa kế thứ nhất thì người cháu luôn luôn được hưởng di sản của ông nếu bố mẹ chúng chết. Còn theo luật dân sự Việt Nam thì cháu sẽ không được nhận thừa kế của ông nếu bố mẹ chúng chết cùng thời điểm với ông bà mặc dù ở cùng một hàng thừa kế nhưng nếu có những người ở bậc một (bố mẹ) thì những người ở bậc hai (ông bà nội ngoại, anh chị em ruột) sẽ không được hưởng thừa kế. Mặt khác, ông bà nội, anh chị em ruột được hưởng mỗi người một suất thì ông bà ngoại chỉ được hưởng ½ một suất thừa kế quy định này nên được kế thừa./.